

**FPT - MUA**

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU**  
(Ngày 08.03.2019)

Sàn giao dịch	HOSE
Thị giá (đồng)	44.750
KLGD TB 10 ngày	807.986
Vốn hoá (tỷ đồng)	27.456,56
Số lượng CPLH	613.554.396
% sở hữu nước ngoài	49%

**CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH**

Phạm Lan Hương  
[plhuong@vcbs.com.vn](mailto:plhuong@vcbs.com.vn)  
+84-4 3936 6990 ext 7191

**ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ**

**KQKD:** FPT ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 23.214 tỷ đồng (+17% yoy, 106% KH). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.615 tỷ đồng (+35% yoy). Doanh thu tăng trưởng ở tất cả các mảng kinh doanh. Đặc biệt, doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng trưởng 26% so với năm trước, đóng góp 39% tổng doanh thu tập đoàn.

**Triển vọng:** (1) Xuất khẩu phần mềm tiếp tục tăng trưởng mạnh đi cùng định hướng toàn cầu hóa của tập đoàn; (2) Thuê bao băng thông rộng tiếp tục tăng trưởng ổn định

**Rủi ro:** (1) Rủi ro cạnh tranh. (2) Không đủ nhân sự để đáp ứng nhu cầu phát triển.

**Đánh giá:** Chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh của FPT năm 2019 với doanh thu thuần đạt 27.487 tỷ đồng (+18% yoy), LNST đạt 3.885 tỷ đồng (+27% yoy) và LNST thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 3.126 tỷ đồng, theo đó EPS 2019 đạt 5.082 đồng/cp. Trên cơ sở triển vọng kinh doanh khả quan, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu FPT với **giá mục tiêu 60.234 đồng/CP** cho thời gian đầu tư trung và dài hạn.

Chỉ tiêu tài chính	2017	2018	2019F	2020F
DTT (tỷ đồng)	42.659	23.213	27.487	31.839
+/- yoy (%)	7,9%	16%	18%	18%
LNST (tỷ đồng)	3.528	3.228	3.885	4.414
+/- yoy (%)	37%	-8%	20%	14%
VCSH (tỷ đồng)	13.238	14.763	17.723	21.213
Nợ/TTS (%)	18,7%	23,4%	17,0%	14,2%
TS LN gộp (%)	22,7%	37,6%	37,6%	37,6%
ROA (%)	14,1%	10,9%	12,3%	12,2%
ROE (%)	26,7%	21,9%	21,9%	20,8%
EPS (đồng)	4.460	3.897	5.082	5.835

## PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

### KQKD 2018

Kết thúc năm 2018, FPT ghi nhận doanh thu hợp nhất và lợi nhuận trước thuế (LNTT) lần lượt đạt 23.214 tỷ đồng (+17% yoy, 106% KH) và 3.852 tỷ đồng (+30% yoy, 111% KH). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.615 tỷ đồng (+35% yoy). Biên lợi nhuận gộp 2018 đạt 37,6%.

#### Doanh thu tăng tại tất cả các lĩnh vực kinh doanh:

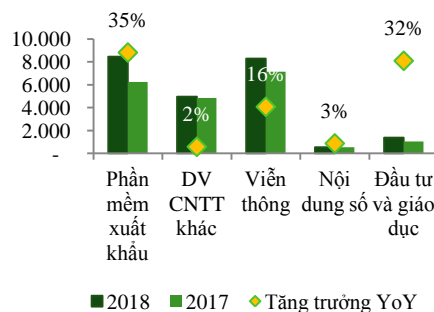
**Khối công nghệ** đạt 13.395 tỷ đồng doanh thu (+21% yoy), đóng góp 57% doanh thu tập đoàn.

Trong các hoạt động kinh doanh thuộc khối Công nghệ, hoạt động xuất khẩu phần mềm là nổi bật nhất và được kì vọng là tiếp tục đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng của tập đoàn. Năm 2018, doanh thu của hoạt động này đạt 8.443 tỷ đồng tăng 35% yoy. Doanh thu tại các thị trường nước ngoài đều tăng trưởng trên 23% yoy, riêng thị trường chính Nhật Bản tăng trưởng 30% yoy. Thị trường Mỹ tăng trưởng 55% yoy còn thị trường Châu Á tăng trưởng 37% yoy nhờ mở rộng sang thị trường Australia và kết quả tốt tại thị trường Malaysia.

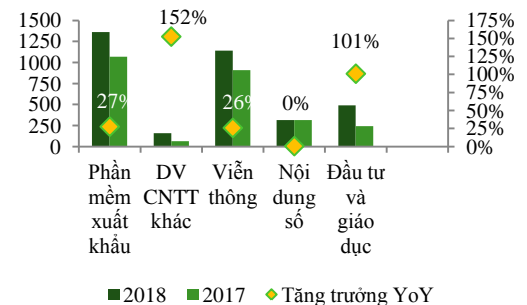
**Khối viễn thông** đạt 8.800 tỷ đồng doanh thu (+15% yoy), đóng góp 37% doanh thu tập đoàn trong đó doanh thu cung cấp dịch vụ internet băng thông rộng tăng trưởng 13% yoy.

**Khối giáo dục – đầu tư** đạt 1.382 tỷ đồng doanh thu(+19% yoy), chỉ chiếm phần nhỏ trong cơ cấu doanh thu – lợi nhuận của FPT song có sự tăng trưởng bứt phá khi tỷ lệ tuyển sinh trong năm 2018 tăng 55% yoy, tương đương 19.380 sinh viên nhập học mới.

**Doanh thu năm 2018**



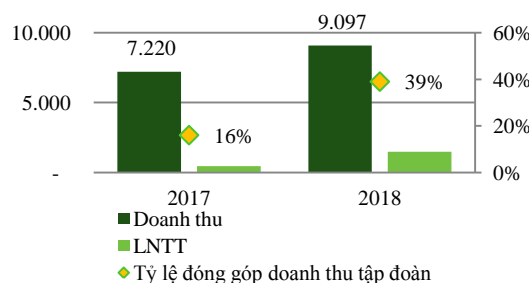
**LNTT năm 2018**



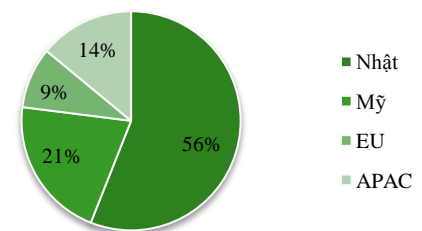
(Nguồn: FPT, VCBS tổng hợp)

**Doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng trưởng mạnh**, đóng góp tới 39% doanh thu năm 2018. Trong các hoạt động kinh doanh tại thị trường nước ngoài, hoạt động xuất khẩu phần mềm vẫn là hoạt động chính và thị trường Nhật Bản là thị trường chính đóng góp tới 56% doanh thu của hoạt động này.

**Đóng góp của thị trường nước ngoài**



**Tỷ trọng thị trường XKPM**



## TRIỂN VỌNG VÀ ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

### Xuất khẩu phần mềm là động lực tăng trưởng chính

Gia công phần mềm tiếp tục là hoạt động đóng góp doanh thu chính cho FPT gắn liền với định hướng toàn cầu hóa của lãnh đạo tập đoàn. Qua 10 năm phát triển, mảng xuất khẩu phần mềm của FPT tăng trưởng trung bình 28%/ năm và dự kiến còn tiếp tục tăng trưởng trong tương lai nhờ vào các hợp đồng giá trị lớn tại các thị trường như Nhật Bản, Mỹ, Châu Á. Ngoài ra, thương vụ thu tóm Intellinet Consulting năm 2018 cùng việc mở văn phòng đại diện thứ 6 tại thành phố Detroit, Mỹ giúp FPT tiếp cận sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành và rộng hơn vào các doanh nghiệp tại thị trường Mỹ.

**Nhu cầu lớn về tư vấn chiến lược và thực thi chuyển đổi số.** Công ty liên tiếp kí các hợp đồng lớn cung cấp dịch vụ chuyển đổi số cho các tập đoàn hàng đầu thế giới có thể kể đến các hợp đồng lớn FPT kí với các đối tác trong năm 2018 như Shinhan Bank, Carlsberg, Tập đoàn ISE Foods, Toppan Printing của Nhật Bản hay tập đoàn năng lượng Innogy SE ( trị giá USD 100 triệu). Dự kiến, dư địa phát triển mảng chuyển đổi số vẫn còn rất lớn khi chỉ tiêu chuyển đổi số toàn cầu được dự báo tăng trung bình 17%/năm tới năm 2021 đặc biệt ở các thị trường như Mỹ, Châu Á- Thái Bình Dương,...

### Dịch vụ viễn thông tiếp đà tăng trưởng

**Thuê bao Internet băng thông rộng tăng trưởng ổn định.** Sau khi đã hoàn thành việc chuyển đổi cấp quang cùng việc cung cấp gói truyền dữ liệu tốc độ cao cùng dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, thuê bao Internet của FPT vẫn tăng trưởng khoảng 10%- 15% nhưng có xu hướng chậm lại do cạnh tranh trên thị trường.

**Tăng đầu tư vào các chương trình truyền hình độc quyền, cải thiện lợi thế cạnh tranh.** Trong tháng 07.2018, FPT công bố bản quyền truyền thông Giải vô địch Bóng đá quốc gia Ý (Serie A) và Cúp Bóng đá quốc gia Anh (FA Cup) ba mùa liên tiếp từ 2018 đến 2021. Ngoài ra, FPT còn tiến hành nâng cấp hàng loạt kênh quốc tế từ định dạng SD sang HD nâng tổng số kênh chuẩn HD lên 50 trên tổng số 170 kênh cho tất cả các thuê bao cơ bản trên toàn quốc.

### Lượng học sinh, sinh viên đăng kí nhập học tăng mạnh

**Dự kiến lượng tân học sinh, sinh viên năm 2019 duy trì tăng trưởng ở mức cao, trên 40% yoy, động lực chính đến từ các cơ sở đào tạo mới mở tại Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ.** Năm 2018, tuyển sinh các cấp học của FPT đạt tăng trưởng mạnh +55% yoy đưa tổng số học sinh, sinh viên đang học tại đại học FPT lên 36.635 học sinh, sinh viên.

Ngoài ra, tháng 7 năm 2018, đại học Cần Thơ đã hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng. Dự kiến năm 2019, dự án tiếp tục triển khai xây dựng giai đoạn 2 gồm tòa nhà Gama, trường THPT, khu ký túc,... Ngoài ra, thời gian tới, FPT Skillking – trường đào tạo Digital Marketing chuyên nghiệp của FPT sẽ chính thức tuyển sinh và đi vào hoạt động. Ngoài việc bổ sung nguồn thu từ đào tạo, các dự án này còn có thể tạo ra các nguồn thu khác như cho thuê cơ sở vật chất, văn phòng, các dịch vụ tiện ích phụ trợ...

### Các dự án của FPT Education đang triển khai

STT	Tên dự án	Thời gian	Diện tích	Địa chỉ	Quy mô
1	Tòa nhà Gama (thuộc Tổ hợp đại học và Công viên Phần mềm FPT ) (*)	2019	12.000 m <sup>2</sup> sàn	Thành phố Cần Thơ	
2	Đại học FPT TP HCM	1/2018	29.926 m <sup>2</sup> sàn	Thành phố Hồ Chí Minh	7 khu có diện tích từ 5-11 tầng

(\*) Tổng mức đầu tư toàn dự án 1.170 tỷ đồng, diện tích 17,4 ha, đáp ứng 10.000 sinh viên và 5.000 cán bộ.

## Dự báo KQKD 2019 – 2020

Từ những triển vọng kể trên, chúng tôi đánh giá tích cực về khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp thời gian tới với động lực chính đến từ nhu cầu chuyển đổi số toàn cầu. Dưới đây là bảng dự phóng kết quả kinh doanh của chúng tôi cho năm 2019 và 2020:

Năm	2017	2018	2019F	2020F
DTT (tỷ đồng)	42.659	23.213	27.487	31.839
LNST (tỷ đồng)	3.528	3.228	3.885	4.414
EPS (đồng)	4.460	3.897	5.082	5.835

## RỦI RO

**Cạnh tranh lớn từ các tập đoàn công nghệ trong nước và trên thế giới.** Về mảng xuất khẩu phần mềm, FPT Software gần như không có đối thủ trong nước nhưng lại gặp phải cạnh tranh lớn đến từ các tập đoàn công nghệ thuộc Ấn Độ, Trung Quốc vốn cũng có các hoạt động gia công phần mềm phát triển. Về mảng viễn thông, FPT phải cạnh tranh thị phần với hai ông lớn khác là VNPT và Viettel Telecom. Hệ thống giáo dục của FPT cũng chịu áp lực từ cạnh tranh khi các tập đoàn lớn như Vingroup, TH.

**Thiếu hụt nhân sự chất lượng cao, đặc biệt ngành kỹ sư phần mềm.** Theo Bộ TT&TT, Việt Nam cần khoảng 1,2 triệu nhân sự CNTT vào năm 2020, trong khi số nhân sự dự báo thiếu hụt khoảng 500.000 người.

## ĐỊNH GIÁ

### 1. Phương pháp so sánh tương đối

Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh P/E với mẫu so sánh là các doanh nghiệp trong ngành phần mềm, dịch vụ máy tính trên thế giới với ROE tương đương FPT, kết quả thống kê như sau:

Công ty	Quốc gia	P/E
CMG	Vietnam	12,46
3107 JP Equity	Japan	9,19
354 HK Equity	China	13,83
6807 JP Equity	Japan	9,57
300287 CH Equity	United States	18,32
9928 JP Equity	Japan	27,66
CMCM US Equity	United States	4,06
<b>Trung bình</b>		<b>13,58</b>
<b>Trung vị</b>		<b>12,46</b>
<b>FPT</b>		<b>10,50</b>

Như vậy, với EPS forward 2019 là 5.082 đồng/cp, kết quả định giá của chúng tôi đối với phương pháp P/E là 63.322 đồng.

## 2. Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF

### Giả định chính

- Xuất khẩu phần mềm tăng trưởng CAGR giai đoạn 2019 – 2023 đạt 27,2%. Trong đó giả định thị trường Nhật Bản tiếp tục đạt mức tăng trung bình 27,0%/năm; thị trường Mỹ tăng trưởng mạnh hơn giai đoạn trước với động lực đến từ thương vụ Intellinet với CAGR 2019 – 2023 đạt 31,1%; thị trường APAC là thị trường tăng trưởng mạnh nhất với trung bình 28,2%/năm.
- Doanh thu lĩnh vực viễn thông duy trì ở mức 15% giai đoạn 2019- 2023, chủ yếu do thuê bao Internet tiếp tục tăng trưởng ổn định, truyền hình trả tiền thu hút thêm lượng người dùng mới với các chương trình độc quyền. Biên lợi nhuận trong giai đoạn này dự kiến cũng sẽ cải thiện nhẹ khi mảng truyền hình bắt đầu có lãi và ảnh hưởng tích cực từ quyết định 868/QĐ – TTg.

### Chiết khấu theo FCFF

Đơn vị: tỷ đồng	2019F	2020F	2021F	2022F	2023F
EBIT	4.874	5.496	5.901	7.155	8.296
Trừ: EBIT * thuế suất	777	902	955	1.157	1.348
Cộng: khấu hao	1.165	1.165	1.165	1.165	1.165
Trừ: CAPEX	2.454	2.454	2.454	2.454	2.454
(Tăng)/Giảm vốn lưu động	(643)	(167)	(71)	(603)	(403)
<b>FCFF</b>	<b>2.165</b>	<b>3.137</b>	<b>3.586</b>	<b>4.106</b>	<b>5.256</b>
WACC					12,74%
Giá trị hiện tại của dòng tiền 2019 – 2023					13.888
Giá trị hiện tại giai đoạn tăng trưởng vĩnh viễn					30.904
<b>Giá trị doanh nghiệp</b>					<b>44.792</b>
Cộng: Tiền mặt					3.926
Trừ: Vay nợ ròng					6.970
<b>Giá trị vốn CSH (trừ lợi ích cổ đông thiểu số)</b>					<b>35.239</b>
Số cổ phiếu đang lưu hành (CP)					613.636.772
<b>Giá mục tiêu (đồng/CP)</b>					<b>57.147</b>

**Kết hợp các phương pháp định giá: mức giá hợp lý 60.234 đồng/CP**

Mức giá hợp lý của cổ phiếu FPT là:

Phương pháp	Giá (đồng/CP)	Tỷ trọng
P/E	63.322	50%
Chiết khấu FCFF	57.147	50%
<b>Giá hợp lý</b>	<b>60.234</b>	

## QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**MUA: giá mục tiêu 60.234 đồng/CP**

**Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT với mức giá mục tiêu là 60.234 đồng/CP cho thời gian đầu tư trung và dài hạn** dựa trên cơ sở:

(1) FPT là doanh nghiệp có vị thế đầu ngành trong lĩnh vực CNTT – Viễn thông, đặc biệt là mảng xuất khẩu phần mềm, đây cũng là động lực tăng trưởng của FPT trong tương lai với nhu cầu chuyển đổi số vẫn đang ở mức cao.

(2) Tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành đồng thời mở rộng thị trường tại Mỹ thông qua thầu tóm Intellinet Consulting và mở tiếp văn phòng thứ 6 tại Mỹ. Tuy nhiên, rủi ro từ việc không thể đạt được giá trị cộng hưởng như kỳ vọng từ thương vụ cũng là một vấn đề mà chúng tôi lưu ý khi đầu tư vào FPT;

(3) Doanh thu và lợi nhuận từ các mảng kinh doanh cốt lõi đều tăng trưởng ổn định 3 năm gần nhất, cơ cấu tài chính lành mạnh cùng định giá ở mức khá hấp dẫn.

KQKD (tỷ đồng)	2017	2018	2019F	2020F
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>42.659</b>	<b>23.214</b>	<b>27.487</b>	<b>31.839</b>
- Giá vốn hàng bán	32.976	14.490	17.158	19.875
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>9.682</b>	<b>8.723</b>	<b>10.239</b>	<b>11.964</b>
- Chi phí bán hàng	3.075	2.048	2.425	2.809
- Chi phí quản lý DN	3.441	3.559	4.214	4.881
<b>Lợi nhuận thuần HDKD</b>	<b>3.167</b>	<b>3.116</b>	<b>3.690</b>	<b>4.275</b>
- (Lỗ) / lợi tỷ giá	9	(5)	22	8
- Lợi nhuận khác	(1.466)	(968)	(1.206)	(1.229)
<b>EBIT</b>	<b>4.624</b>	<b>4.090</b>	<b>4.874</b>	<b>5.496</b>
- Chi phí lãi vay	369	238	252	215
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>4.255</b>	<b>3.852</b>	<b>4.622</b>	<b>5.281</b>
- Thuế TNDN	727	623	737	866
<b>LNST</b>	<b>3.528</b>	<b>3.228</b>	<b>3.885</b>	<b>4.414</b>
<b>LNST cổ đông CT Mẹ</b>	<b>2.932</b>	<b>2.614</b>	<b>3.125</b>	<b>3.598</b>
EPS (VND)	4.460	3.897	5.082	5.835

Khả năng sinh lợi	2017	2018	2019F	2020F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,7%	37,6%	37,6%	37,6%
Tỷ suất LNST	8,3%	13,9%	14,1%	13,9%
ROE DuPont	28,6%	23,1%	23,9%	22,7%
ROA DuPont	12,9%	11,8%	12,7%	13,0%

Hiệu quả vận hành	2017	2018	2019F	2020F
Số ngày tồn kho	34,3	29,7	29,1	27,7
Số ngày phải thu	40,8	79,8	75,1	74,4
Số ngày phải trả	33,4	60,3	48,8	42

Chỉ số TK/đơn bẫy TC	2017	2018	2019F	2020F
CS thanh toán hiện hành	1,4	1,3	1,5	1,5
CS thanh toán nhanh	1,1	1,0	1,2	1,2
Nợ / Tài sản	0,19	0,23	0,17	0,14
Khả năng TT lãi vay	12,5	17,2	19,3	25,5

Cân đối kế toán (tỷ đồng)	2017	2018	2019F	2020F
+ Tiền và tương đương	3.481	3.926	4.649	5.385
+ Đầu tư TC ngắn hạn	4.379	5.568	5.568	5.568
+ Các khoản phải thu	4.858	5.297	6.012	6.964
+ Hàng tồn kho	1.020	1.341	1.398	1.619
+ Tài sản ngắn hạn khác	2.322	2.241	2.654	3.073
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>16.060</b>	<b>18.373</b>	<b>20.281</b>	<b>22.610</b>
+ Tài sản dài hạn ròng	5.527	6.576	7.865	9.154
+ Đầu tư tài chính dài hạn	556	527	757	872
+ Tài sản dài hạn khác	2.857	4.250	2.684	3.690
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>8.940</b>	<b>11.352</b>	<b>11.305</b>	<b>13.715</b>
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>25.000</b>	<b>29.726</b>	<b>31.586</b>	<b>36.326</b>
+ Phải trả ngắn hạn	2.279	2.511	2.073	2.502
+ Vay và nợ ngắn hạn	4.117	6.603	5.062	4.945
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>11.100</b>	<b>14.432</b>	<b>13.432</b>	<b>14.741</b>
+ Vay và nợ dài hạn	565	367	293	220
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>661</b>	<b>531</b>	<b>430</b>	<b>372</b>
+ Vốn điều lệ	4.594	6.136	6.166	6.166
+ LN chưa phân phối	6.070	6.275	8.477	11.150
+ Lợi ích cổ đông thiểu số	1.809	2.302	3.061	3.877
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.238</b>	<b>14.763</b>	<b>17.723</b>	<b>21.212</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>25.000</b>	<b>29.726</b>	<b>31.586</b>	<b>36.326</b>

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	2017	2018	2019F	2020F
Tiền đầu năm	6.013	3.481	3.926	4.649
<b>Tiền từ hoạt động KD</b>	<b>2.396</b>	<b>4.058</b>	<b>5.946</b>	<b>4.420</b>
<b>Tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>-3.017</b>	<b>-4.170</b>	<b>-2.684</b>	<b>-2.569</b>
<b>Tiền từ hoạt động TC</b>	<b>-1.912</b>	<b>558</b>	<b>-2.539</b>	<b>-1.115</b>
Tổng lưu chuyển tiền tệ	-2.533	446	723	736
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>3.481</b>	<b>3.926</b>	<b>4.649</b>	<b>5.385</b>

## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi thông tin liên quan đến báo cáo trên, xin quý khách vui lòng liên hệ:

**Trần Minh Hoàng**

Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu  
tmhoang@vcbs.com.vn

**Mạc Đình Tuấn**

Trưởng nhóm PT ngành – Doanh nghiệp  
mdtuan@vcbs.com.vn

**Phạm Lan Hương**

Chuyên viên Phân tích  
plhuong@vcbs.com.vn

## CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<http://www.vcbs.com.vn>

<b>Trụ sở chính Hà Nội</b>	Tầng 12 & 17, Toà nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-4) -393675- Số máy lẻ: 18/19/20
<b>Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>	Lầu 1& 7, Toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-8)-38200799 - Số máy lẻ: 104/106
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (84-511) -33888991 - Số máy lẻ: 12/13
<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	Tầng 1, Toà nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ ĐT: (84-710) -3750888
<b>Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng</b>	Toà nhà Lawrence Sting, số 801 Nguyễn Lương Bằng, KĐT Phú Mỹ Hưng, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-8)-54136573
<b>Phòng Giao dịch Giảng Võ</b>	Tầng 1, Toà nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội. ĐT: (+84-4) 3726 5551
<b>Văn phòng Đại diện An Giang</b>	Tầng 6, Toà nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang ĐT: (84-76) -3949841
<b>Văn phòng Đại diện Đồng Nai</b>	F240-F241 Đường Võ Thị Sáu, Khu phố 7, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (84-61)-3918812
<b>Văn phòng đại diện Vũng Tàu</b>	Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (84-64)-3513974/75/76/77/78
<b>Văn phòng đại diện Hải Phòng</b>	Tầng 2, số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Tel: (+84-31) 382 1630